

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2020/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan,  
tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai quản lý**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Căn cứ Thông báo số 185/TB-HĐND ngày 06/01/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Tờ trình số 2965/TTr-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 06 /TTr-STC ngày 08/01/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai quản lý, gồm:

1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với diện tích sử dụng để tiếp dân; diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin; diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) và diện tích kho chuyên ngành bảo quản chứng từ có giá, kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ công trình sự nghiệp

trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai quản lý (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng**

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai quản lý quy định tại Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai quản lý (sau đây viết là Phụ lục) ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

4. Người được phân cấp thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính, Sở Xây dựng trước khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.

## **Điều 5. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo dự án đầu tư đã được phê duyệt, không xác định lại diện tích chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức biên chế dẫn tới thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cần phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cơ quan,


người có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án đầu tư cho phù hợp theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng nhưng không đảm bảo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 01 năm 2020.

2. Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng của ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: 

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



  
**Võ Ngọc Thành**



**PHỤ LỤC**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG**  
**CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH GIA LAI QUẢN LÝ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Diện tích sử dụng để tiếp dân</b>	
1	Ban tiếp công dân tỉnh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	100
2	Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh	40
3	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	80
4	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	40
<b>II</b>	<b>Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin</b>	
1	Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh	30
2	Huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	25
3	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	20
<b>III</b>	<b>Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)</b>	Theo quy mô, biên chế được duyệt và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
<b>IV</b>	<b>Diện tích kho chuyên ngành</b>	200
<b>V</b>	<b>Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù</b>	Theo chức năng nhiệm vụ đặc thù, quy mô, biên chế được duyệt và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam

*Thư*